

Bản án số: **74/2019/DS-PT**

Ngày: 26/6/2019

V/v: “*Tranh chấp tài sản chung chưa chia, chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán:

Ông Trương Minh Tuấn

Ông Mai Xuân Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên Cao cấp.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 về: “*Tranh chấp tài sản chung chưa chia, chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 3/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 560 /2019/QĐ-PT ngày 3 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- Ông **Phan Quang X**, sinh năm 1944; Địa chỉ: số 32 đường P, phường H4, quận H5, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1950; Địa chỉ: số 20 đường 31B, phường A, quận Y, TP Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông X và bà T: Ông **Nguyễn Hữu**

Quyết T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: K36A/21 đường C1, phường H4, quận H5, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2017). Có mặt.

*** Bị đơn:**

- Ông **Phan Quang B**, sinh năm 1949; Địa chỉ: số 338 Đường T5, phường H1, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Phan Thị T2**, sinh năm 1952; Địa chỉ: số 20 đường K, phường K1, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2 là ông **Võ Duy H**, sinh năm 1981 và bà **Phan Thị Khuê T3**, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: số 20 đường K, phường K1, quận N1, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 05/6/2018). Ông H, bà T3 có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Võ Duy H**, sinh năm 1981 và bà **Phan Thị Khuê T3**, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: số 20 đường K, phường K1, quận N1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng**; Địa chỉ: số 24 đường T7, quận H5, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền là ông **Nguyễn Thành Q** (theo văn bản ủy quyền số 1882 ngày 19/6/2019). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Hữu Quyết T1 trình bày:*

Ông Phan Quang T4 và bà Đoàn Thị X có 03 con chung tên là: Phan Quang X, Phan Quang B và Phan Thị T. Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi. Ngày 03/6/1975, ông T4 và bà X mua của ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Q1 nhà và đất có diện tích 500m² tại thôn H1, xã H2, huyện H3, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, nay là số 338 Đường T5, phường H1, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau đó bà X, ông T4 coi nói thêm thành ra diện tích là 1072m².

Sau khi mua nhà đất nói trên, ông T4 và bà X sống cùng vợ chồng ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2. Ông Phan Quang X và bà Phan Thị T đã có nhà riêng. Năm 1984 ông Phan Quang T4 chết, bà X, ông B và bà T2 tiếp tục sống tại ngôi nhà trên, thờ tự tổ tiên. Năm 1993, ông B đã giả chữ ký của bà X, ông X và bà T để sang tên nhà ở và toàn bộ diện tích đất trên đứng tên ông B và bà T2.

Năm 2008 bà X chết, ông B và bà T2 tiếp tục sống tại ngôi nhà này. Năm 2014, được sự đồng ý của ông B và bà T2 thì vợ chồng chị T3 và anh H đã đập

bỏ ngôi nhà cũ, xây ngôi nhà 02 tầng có diện tích xây dựng là 192,60m², diện tích sử dụng là 334,70m². Việc xây nhà mới ông X và bà T không biết. Năm 2015, ông B và bà T2 ly hôn, Tòa án nhân dân quận C đã chia tài sản chung giữa ông B và bà T2 đối với nhà và đất tại 338 Đường T5, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông X biết sự việc chia tài sản nói trên đã có đơn khiếu nại yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng hủy việc chia tài sản chung giữa ông B và bà T2. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sau đó, ông X đã có đơn gửi Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao và Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 22/KN - DS ngày 01/6/2016, ngày 14/4/2017 Tòa án nhân dân cấp cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 02/2017/HNGĐ-GĐT hủy một phần bản án số 01/2016/HNGĐ-PT ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và bản án số 157/2015/HNGĐ-ST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân quận C về phần chia tài sản chung giữa nguyên đơn bà Phan Thị T2, bị đơn ông Phan Quang B. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận C xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ông X và bà T cho rằng nhà ố (cũ) và đất tại 338 Đường T5, quận C, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của ông T4 và bà X để lại cho các con. Việc ông B giả mạo chữ ký của mẹ là bà X, ông X và bà T để tặng cho nhà và đất nói trên sang cho ông B, bà T2 là trái pháp luật.

Nay ông X và bà T yêu cầu Tòa án chia thừa kế và chia tài sản chung là quyền sử dụng 1.052m² đất tại số 338 Đường T5, quận C, thành phố Đà Nẵng cho ông X, bà T và ông B bằng hiện vật theo quy định pháp luật.

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 370345 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03/10/2014 đứng tên ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2.

Đối với ngôi nhà do vợ chồng ông Võ Duy H và bà Phan Thị Khuê T3 đã bỏ tiền ra xây dựng, đề nghị Tòa án giao cho ông X, bà T, ông B nhận và cùng có nghĩa vụ bồi đắp lại giá trị nhà cho ông H và bà T3 theo Chứng thư thẩm định giá số 28 ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Sau khi chia di sản thừa kế xong thì ông X và bà T thống nhất giao cho ông B là người trực tiếp quản lý toàn bộ khối tài sản trên để ở và thờ cúng.

** Bị đơn - ông Phan Quang B trình bày:*

Tôi thống nhất với lời trình bày của ông T1 như trên là đúng. Riêng về diện tích đất, năm 1975 cha mẹ tôi chỉ mua của bà Trần Thị Q1 và ông Nguyễn Văn D mảnh đất có chiều dài 25m, chiều rộng 20m. Do đất sau nhà bỏ hoang nên cha mẹ tôi lấn thêm ra.

Năm 1993, vì thấy mẹ đã già yếu, ông X và bà T đều đã có nhà riêng nên tôi đã giả chữ ký của mẹ tôi là bà X, ông X và bà T trong hợp đồng tặng cho để nộp cho cơ quan chức năng là UBND huyện H3 để được cấp Trích lục nghiệp chủ nhà đứng tên tôi là Phan Quang B và bà Phan Thị T2 dưới hình thức tặng cho toàn bộ nhà đất. Sau đó, UBND huyện H3, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cấp trích lục sổ nghiệp chủ nhà ở ngày 29/3/1993 đứng tên tôi và bà T2.

Toàn bộ giấy tờ ký giả khi làm thủ tục cấp sổ tôi đã nộp cho UBND huyện H3, tôi không lưu giữ.

Năm 1996, tôi kê khai diện tích 1.072m² và ngày 17/12/1996 UBND huyện H3, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cấp đổi Trích lục sổ nghiệp chủ nhà ở thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ Phan Quang B. Ngày 08/7/2003, cắt đất chuyển cho bà X 337,5m². Ngày 14/7/2003 cắt đất chuyển cho con gái tôi là T3 337,5m².

Sổ trích lục nghiệp chủ bản chính thì tôi đang nắm giữ. Năm 1996, chúng tôi ở trong nhà với cha mẹ cùng hai con là T3 và T6.

Sau đó bà X và con gái tôi là T3 tặng cho lại toàn bộ diện tích đất trên cho tôi. Ngày 03/10/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 370345 đứng tên tôi và bà Phan Thị T2.

Việc tôi giả chữ ký như đã nói là trái pháp luật, nay ông X và bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung là quyền sử dụng đất tại số 338 Đường T5, quận C, TP. Đà Nẵng theo quy định của pháp luật thì tôi đồng ý nhưng phải xem xét phần công sức đóng góp của bà T2 là giao cho bà T2 khu đất tái định cư đường quy hoạch 5,5m khu dân cư Hòa Phát 5 và giá trị đền bù theo bảng tính giá trị đền bù ngày 23 tháng 2 năm 2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị T2 là ông Võ Duy H và bà Phan Thị Khuê T3 trình bày:*

Chúng tôi không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông X, bà T và ý kiến trình bày của ông B.

Lý do:

- Nguồn gốc năm 1974, ông B và bà T2 lấy nhau, hai vợ chồng đã dùng toàn bộ tiền mừng cưới và tiền của bà X góp lại để mua ngôi nhà và đất này, nhưng vì chữ hiếu nên để cho bà X đứng tên. Sau khi ông X đi tập kết ngoài Bắc về thì được cho ở nhờ. Khẳng định ông X và bà T không có công sức đóng góp gì cả.

Về phần đất phía sau mua, coi nói không liên quan gì đến phần phía trước

và cũng không có công sức đóng góp ông T4 (mất năm 1984), bà X, ông X và bà T. Đến năm 1996, Nhà nước mới công nhận lần đầu tiên cho ông B và bà T2 nên phần đất phía sau không liên quan đến phần chia thừa kế.

- Quyền sử dụng đất tại số 338 Đường T5, quận C, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của vợ chồng ông B và bà T2, không phải là tài sản để chia thừa kế của ông X, bà T và ông B.

Nay bà T2 có ý kiến như sau: Nếu phần đất tranh chấp này là của ông B và bà T2 thì bà T2 có nguyện vọng giao nhà cho vợ chồng T3 và H để ở, T3 và H sẽ bồi trả lại giá trị đất theo Chứng thư thẩm định giá số 28/CT-ĐGD, ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng. Đồng thời phải xem xét công sức đóng góp của bà T2 trong khối tài sản đó.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Duy H và bà Phan Thị Khuê T3 trình bày:*

Năm 2014, vợ chồng tôi được sự đồng ý của ba mẹ đã xây dựng một ngôi nhà trên đất tại số 338 Đường T5, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Chúng tôi không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế, chia tài sản chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là tài sản là của ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2. Ngôi nhà trên đất tại số 338 Đường T5, quận C, thành phố Đà Nẵng là do chúng tôi bỏ tiền ra xây dựng.

Nếu phần đất đang tranh chấp là tài sản của ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 thì chúng tôi xin nhận toàn bộ diện tích đất khoảng 940m² và bồi trả giá trị đất theo Chứng thư thẩm định giá số 28/CT-ĐGD, ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng.

Nếu yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận thì chúng tôi xin nhận nhà và bồi trả giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với ngôi nhà có diện tích khoảng 450m² theo Chứng thư thẩm định giá số 28/CT-ĐGD, ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng.

** Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Q có đơn trình bày:*

Theo Trích lục sổ nghiệp chủ nhà ở do Ủy ban nhân dân huyện H3 cấp ngày 29/3/1993 cho ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận C nhận thấy: ở trang thứ 3 Trích lục sổ nghiệp chủ nhà thể hiện, nguồn gốc của ông Phan Văn T4 và bà Đoàn Thị X tạo dựng tại Bình Thuận - Hoà Phát, căn cứ pháp lý để UBND huyện H3 cấp sổ nghiệp chủ nhà cho ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 gồm:

- Đơn xin cho nhận nhà lập ngày 01/8/1993 được UBND xã và phòng kinh tế đồng ý;

- Văn tự cho nhận nhà lập ngày 01/8/1992 được UBND xã xác thực;

- Giấy xác nhận cho nhận nhà lập ngày 08/02/1993 của UBND huyện H3;

- Nộp thuế trước bạ tại phòng thuế trước bạ tỉnh QN-ĐN theo phiếu thu số 005086 ngày 12/02/1993.

Đến ngày 17/12/1996, UBND huyện H3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1911737 cho hộ ông Phan Quang B tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.072m², loại đất ở và đất vườn, thời hạn sử dụng lâu dài.

Hộ ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 quản lý sử dụng thửa đất trên cho đến 17/6/2003, ông B và bà T2 đến tại UBND xã Hoà Phát lập hợp đồng tặng cho bà Đoàn Thị X và Phan Thị Khuê T3 mỗi người 337,5m² được UBND huyện H3 cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X504062, X504061 ngày 13/01/2004.

Ngày 29/01/2007, bà Đoàn Thị X đến tại UBND phường H1 lập thủ tục tặng cho toàn bộ diện tích 337,5m² đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X504062 cho ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 được UBND quận C cấp giấy chứng nhận số AI358621.

Ngày 08/2/2014, bà Phan Thị Khuê T3 đến tại Văn phòng công chứng Ngọc Yến lập thủ tục tặng cho toàn bộ diện tích 337,5m² đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X504062 cho ông Phan Quang B.

Ngày 24/9/2014, ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 cấp đổi và nhập phần diện tích nhận tặng cho từ bà Đoàn Thị X và bà Phan Thị Khuê T3 để công nhận tài sản gắn liền trên đất vào trong giấy chứng nhận số 1911737 do UBND huyện H3 cấp cho hộ Phan Quang B. (Kèm theo giấy cam kết đồng ý để cho vợ là bà Phan Thị T2 cùng đứng tên vào thửa đất nhận tặng cho từ bà Phan Thị Khuê T3 và thửa đất 299, tờ bản đồ số 4).

Đến ngày 03/10/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BV370345 cho ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu của ông Phan Quang X và bà Phan Thị T là huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BV370345 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2014 cho ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 là không có cơ sở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Điều 34, Điều 147, Điều 149, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 219, Điều 220, Điều 221, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quan X và bà Phan Thị T đối với ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 về việc “*Tranh chấp tài sản chung chưa chia, chia thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.*”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí thẩm định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/8/2018, đại diện theo ủy quyền của ông X, bà T là ông Nguyễn Hữu Quyết T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 12/11/2018, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn kháng cáo bổ sung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ trích dẫn khoản 1 điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để bác đơn khởi kiện của ông Phan Quang X và bà Phan Thị T mà không áp dụng điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không công bằng.

Ngày 17/8/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 3/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 308; Điều 309 BLTTDS tuyên sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi các bên đương sự trình bày, quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn vắng mặt và bị đơn bà Phan Thị T2 vắng mặt nhưng đã có mặt người đại diện theo ủy quyền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong khi vụ án hoãn nhiều lần nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ

luật tố tụng dân sự như đề nghị của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét nội dung kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3]. Xét tài sản đang tranh chấp: Theo ông Nguyễn Hữu Quyết T1 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn ông Phan Quang B thì nhà (nhà cũ đã hư hỏng không còn giá trị sử dụng) và quyền sử dụng đất tại số 338, đường T5, quận Cẩm Lê, thành phố Đà Nẵng là của cụ ông Phan Quang T4 và cụ bà Đoàn Thị X có nguồn gốc mua của ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Q1 vào ngày 3/6/1975 có diện tích 500m² (BL116). Sau đó cụ T4 cụ X coi nói ra thành diện tích là 1.052m². Sau khi mua nhà đất nói trên, cụ T4 và cụ X sống cùng vợ chồng ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2. Ông Phan Quang X và bà Phan Thị T đã có nhà riêng. Năm 1984 cụ Phan Quang T4 chết. Cụ bà Đoàn Thị X, ông B và bà T2 tiếp tục sống tại ngôi nhà trên và thờ tự tổ tiên. Năm 1993, ông B giả chữ ký của cụ X, ông X và bà T để sang tên nhà ở và toàn bộ diện tích đất trên cho ông B, bà T2. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án phía bà T2 không thừa nhận việc ông B giả chữ ký của cụ X, ông X và bà T. Trong khi đó phía ông X, bà T và ông B cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh việc ông B đã giả chữ ký để được cấp Trích lục Sổ nghiệp chủ nhà ở đứng tên ông B bà T2 vào năm 1993. Về hồ sơ đề cấp trích lục nghiệp chủ năm 1993, UBND huyện H3, tại công văn số 685/UBND-TNMT ngày 1/5/2018, trả lời như sau: *“UBND huyện H3 cấp sổ nghiệp chủ cho ông Phan Quang B năm 1993, từ đó đến nay do cơ quan di chuyển nhiều nơi và không có kho lưu trữ, vì vậy hồ sơ lưu của ông Phan Quang B bị thất lạc, hiện tìm không có”* (BL 268). Vấn đề này, tại công văn số 653/TNMT ngày 5/12/2017 của phòng tài nguyên môi trường huyện H3 do nguyên đơn cung cấp, đã trả lời về việc đề nghị sao lục hồ sơ cấp sổ nghiệp chủ nhà cho ông Phan Quang B là *“UBND huyện Hoa Vang cấp sổ nghiệp chủ cho ông Phan Quang B năm 1993, từ đó đến nay do cơ quan di chuyển nhiều nơi và không có kho lưu trữ, vì vậy hồ sơ lưu của ông Phan Quang B bị thất lạc, hiện tìm không thấy có”*.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Quang B cho rằng do lòng tham nên ông đã giả mạo chữ ký của cụ X, ông X và bà T để được cấp trích lục nghiệp chủ năm 1993, ngoài lời thừa nhận này, phía ông B không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Do không có tài liệu chứng minh, hồ sơ gốc liên quan không còn, phía bị đơn chỉ có ông Phan Quang B thừa nhận còn bà Phan Thị T2 không thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng. Vì khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên*

đương sự thừa nhận hoặc không phản đối”.

Do không thu thập được hồ sơ gốc liên quan đến việc cấp trích lục nghiệp chủ nhà cho ông B bà T2 vào năm 1993 để xác định chữ ký trong hồ sơ gốc nói trên có phải là của cụ Đoàn Thị X, ông Phan Quang X và bà Phan Thị T hay không nên không có căn cứ để xác định ông Phan Quang B giả mạo chữ ký của những người này. Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Mặt khác, tại Quyết định số 599/QĐ-UB ngày 19/6/2001 của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H3 đã khẳng định: Theo bản đồ 299 năm 1985; thửa đất vườn của ông B số 1288 tờ số 1 diện tích 1.080m² và tại Quyết định số 694/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng khẳng định: Nhà đất của ông Phan Quang B nguyên là nhà của cha mẹ ông mua trước năm 1975 và để lại cho vợ chồng ông, về phía sau của ngôi nhà này có nhà đất của hai hộ ông Ban và ông Giảng. Sau giải phóng Đà Nẵng, hai hộ này tháo dỡ nhà về quê và bán đất lại cho gia đình ông B và theo Chỉ thị 299/TTg ông B đã kê khai đăng ký sử dụng đất có cả phần diện tích đất mua lại của hộ ông Ban và hộ ông Giảng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy chứng cứ hiện nay là Trích lục nghiệp chủ nhà ở số 13/HP/TLNC ngày 29/3/1993 do UBND huyện H3 cấp đã chứng minh ông Phan Quang B và Phan Thị T2 là chủ sử dụng hợp pháp đối với ngôi nhà và đất tại số 338, đường T5, thành phố Đà Nẵng. Sau khi được cấp trích lục nghiệp chủ nói trên, năm 1996 ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2014 được cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV370345 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 3/10/2014 đứng tên ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 và ông B, bà T2 quản lý sử dụng nhà đất đó liên tục cho đến nay. Mặt khác, khi vợ chồng ông B, bà T2 cho vợ chồng ông Võ Duy H và bà Phan Thị Khuê T3 tháo dỡ nhà cũ và làm lại nhà mới như hiện nay thì ông Phan Quang X và bà Phan Thị T cũng không có tranh chấp gì. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào Trích lục nghiệp chủ được cấp năm 1993; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H3 cấp ngày 17/12/1996; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 370345 do sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 3/10/2014 đã công nhận toàn bộ nhà và đất tại 338 Đường T5, quận C, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 và xử không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Quang X và bà Phan Thị T là có căn cứ.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang X và bà Phan Thị T về việc yêu cầu chi tài sản chung là di sản của cụ Phan Quang T4 để lại và yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đoàn Thị X. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Nhà và đất của cụ ông Phan Quang T4 và cụ bà Đoàn Thị X đã được cụ X, ông

X và bà T định đoạt bằng hình thức tặng cho ông B, bà T2 vào năm 1993, với các loại giấy tờ thể hiện trong Trích lục nghiệp chủ nhà ở được UBND huyện Hoà Vang cấp năm 1993 (BL 322, 321, 320). Mặt khác, cụ X, ông X, bà T là những người thừa kế của cụ T4 tặng cho tài sản nói trên cho ông B, bà T2 vào thời điểm sau khi cụ ông Phan Quang T4 chết nên di sản thừa kế của cụ Phan Quang T4 và cụ bà Đoàn Thị X không còn. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là cơ cơ sở.

[5]. Do yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế của nguyên đơn không được chấp nhận như phân tích lập luận trên. Mặt khác việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 370345 do sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 3/10/2014 đứng tên ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và thẩm quyền cho nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là có căn cứ.

Từ những phân tích và lập luận trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của nguyên đơn, cần phải giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 3/8/2018 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận thì người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông Phan Quang X và bà Phan Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông X, bà T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Quyết T1 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phan Quang X và bà Phan Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 3/8/2018 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ: Điều 34, Điều 147, Điều 149, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 219, Điều 220, Điều 221, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang X và bà Phan Thị T đối với ông Phan Quang B và bà Phan Thị T2 về việc “Tranh chấp tài sản chung chưa chia, chia thừa kế, yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.”

2.2. Về án phí phúc thẩm dân sự: Ông Phan Quang X và bà Phan Thị T được miễn. Hoàn lại cho ông Phan Quang X và bà Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số 001498 ngày 20/8/2018 (do ông Nguyễn Hữu Quyết T1 nộp) của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định) không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA, PLT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường